**Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh**

**Trường THPT Trần Văn Giàu**

 **Tổ Ngữ Văn**

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 10**

**TUẦN 26 TỪ 24/2 ĐẾN 29/2/2020**

**Tiết 1: TÓM TẮT VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**(HS chép phần nội dung và làm bài tập vào vở bài học)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Về kiến thức:**

Giúp HS nắm được:

- Mục đích, yêu cầu tóm tắt văn bản thuyết minh.

- Biết cách tóm tắt một văn bản thuyết minh có nội dung đơn giản.

**2. Về kĩ năng :**

- Kĩ năng đọc

- Kĩ năng tóm tắt văn bản

- Kĩ năng làm việc nhóm

**3. Về thái độ :**

- Thích thú đọc và viết văn thuyết minh trong nhà trường cũng như theo yêu cầu của cuộc sống.

 **II. NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

**I. Mục đích, yêu cầu tóm tắt văn bản thuyết minh**

**1. Mục đích:**

- Việc tóm tắt văn bản thuyết minh nhằm hiểu và ghi nhớ những nội dung cơ bản của văn bản đó.

- Giới thiệu với người khác về đối tượng thuyết minh hoặc về chính văn bản thuyết minh đó.

**2. Yêu cầu:**

- Ngắn gọn

- Rành mạch

- Sát với nội dung cơ bản của văn bản gốc

**II. Cách tóm tắt một văn bản thuyết minh**

**1.Phân tích ngữ liệu**

- Đối tượng thuyết minh: nhà sàn – một công trình xây dựng gần gũi, quen thuộc của bộ phận khá lớn người dân miền núi nước ta và một số dân tộc khác ở Đông Nam Á.

- Đại ý: văn bản thuyết minh kiến trúc, nguồn gốc và tiện ích của ngôi nhà sàn.

- Văn bản có thể chia làm 4 đoạn:

+ Đoạn 1: Định nghĩa và nêu mục đích sử dụng của nhà sàn.

+ Đoạn 2: Vật liệu và kết cấu xây dựng.

+ Đoạn 3: Nguồn gốc và ưu điểm.

+ Đoạn 4: Đánh giá, ngợi ca vẻ đẹp, sức hấp dẫn của nhà sàn ở Việt Nam từ trước đến nay.

-Có thể tóm tắt văn bản “Nhà sàn” bằng đoạn văn sau:

Nhà sàn là công trình kiến trúc có mái che dùng để ở hoặc sử dụng vào một số mục đích khác. Toàn bộ nhà sàn được cấu tạo bằng tre, giang, nứa, gỗ; gồm nhiều cột chống, mặt sàn, gầm sàn, các khoang nhà để ở hoặc rửa ráy. Hai đầu nhà có hai cầu thang. Nhà sàn xuất hiện từ thời Đá mới, tồn tại phổ biến ở miền núi Việt Nam và Đông Nam Á. Nhà sàn có nhiều tiện ích: vừa phù hợp với nơi cư trú miền núi, đầm lầy, vừa tận dụng nguyên liệu tại chỗ, giữ được vệ sinh và bảo đảm an toàn cho người ở. Nhà sàn ở một số vùng miền núi nước ta đạt tới trình độ kĩ thuật và thẩm mĩ cao, đã và đang hấp dẫn khách du lịch.

**2. Các bước tóm tắt một văn bản thuyết minh:**

- Xác định mục đích, yêu cầu tóm tắt.

- Đọc thật kĩ văn bản gốc.

- Xác định đối tượng thuyết minh.

- Tìm bố cục của văn bản.

- Viết tóm lượt các ý để hình thành văn bản tóm tắt.

- Đọc lại và chỉnh sửa.

**III. Luyện tập**

**1) Bài tập 1, SGK, trang 71**

- Đối tượng: Nhà thơ Ba – sô và thơ Hai – cư.

- Văn bản có thể chia làm 2 đoạn:

+ Đoạn 1: Giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp của Ba- sô.

+ Đoạn 2: Thuyết minh về thơ Hai –cư.

-Tóm tắt:

Thơ Hai –cư là thể thơ truyền thống của Nhật Bản. Về hình thức, thơ Hai- cư có số từ vào loại ít nhất (17 âm tiết),ngắt làm ba đoạn theo thứ tự 5-7-5 âm; ngôn ngữ thơ chỉ gợi chứ không tả, chứa nhiều khoảng trống cho trí tưởng tượng độc giả. Về nội dung, những bài thơ hai – cư có một tứ thơ nhất định, được xác định bằng “quý ngữ” (từ chỉ mùa), thấm đẫm tinh thần Thiền tông và văn hóa phương Đông. Thơ Hai- cư là một trong những đóng góp lớn của Nhật Bản vào kho tàng văn hóa nhân loại.

**2) Bài tập 2, SGK, trang 72,73**

Có thể tóm tắt như sau: Đến thăm đền Ngọc Sơn, hình tượng kiến trúc đầu tiên gây ấn tượng là Tháp Bút, Đài Nghiên. Tháp Bút dựng trên núi Ngọc Bội, đỉnh tháp có ngọn bút trỏ lên trời xanh, trên mình tháp là ba chữ “tả thanh thiên” (viết lên trời xanh) đầy kiêu hãnh. Cạnh Tháp Bút là cổng Đài Nghiên. Gọi là “Đài Nghiên” bởi cổng này là hình tượng “cái đài” đỡ “nghiên mực” hình trái đào tạc bằng đá, đặt trên đầu ba chú ếch với thâm ý sâu xa “ao nghiên, ruộng chữ”. Phía sau Đài Nghiên là cầu Thê Húc nối sang Đảo Ngọc – nơi tọa lạc ngôi đền thiêng giữa rì rào sóng nước.

**Tiết 2**

**HỒI TRỐNG CỔ THÀNH**

(Trích hồi 28 - *Tam quốc diễn nghĩa* )

 **- La Quán Trung -**

**(HS đọc văn bản ở SGK và tự nghiên cứu những nội dung sau)**

**I. Mục tiêu cần đạt:**

**1. Về kiến thức:**

Giúp HS:

- Hiểu được tính cách bộc trực, ngay thẳng - một biểu hiện riêng biệt của lòng trung thành của Trương Phi, cũng như tình nghĩa “vườn đào” cao đẹp của ba anh em kết nghĩa.

- Hồi trống đã gieo vào lòng người đọc âm vang chiến trận hào hùng.

**2. Về kĩ năng :**

-Giúp cho học sinh có được kĩ năng phân tích một tác phẩm tiểu thuyết Trung Hoa cổ điển.

- Củng cố cho học sinh kĩ năng tìm kiếm, khai thác và tổng hợp thông tin.

- Rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm.

**3. Về thái độ :**

- Nhận thức được vị trí của tác phẩm đối với nền tiểu thuyết Trung Quốc nói chung và trên thế giới nói riêng.

- Giúp cho học sinh thấy được tầm quan trọng của chữ tín, nghĩa trong xã hội

- Dạy cho học sinh biết quý trọng tình cảm anh em, sống chung thủy với bạn bè.

**II. NỘI DUNG CẦN ĐẠT**

**I.Tìm hiểu chung**

**1. Tác giả**

- La Quán Trung tên La Bản, hiệu Hồ Hải tản nhân, người vùng Thái Nguyên, thuộc tỉnh Sơn Tây cũ.

- Sinh vào cuối nhà Nguyên đầu nhà Minh.

- Tính tình cô độc, lẻ loi, thích một mình ngao du đây đó.

- Nhà Minh thành lập ông chuyên tâm biên soạn dã sử.

- La Quán Trung là người đầu tiên đóng góp xuất sắc cho trường phái tiểu thuyết lịch sử thời Minh- Thanh. Tam Quốc Diễn Nghĩa có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

**2. Tác phẩm “Tam quốc diễn nghĩa”**

**a) Thể loại: tiểu thuyết chương hồi**

- Kể lại sự việc theo trình tự thời gian.

- Tính cách nhân vật thường đực thể hiện thông .

**b) Nội dung:**

- Kể lại quá trình hình thành và diệt vong của ba tập đoàn phong kiến Ngụy(Tào Tháo) – Thục ( Lưu Bị) – Ngô( Tôn Quyền) qua đó phơi bày cục diện chính trị Trung Hoa mà đường nét nổi bật là “cát cứ phân tranh”, cá lớn nuốt cá bé, chiến tranh liên miên, nhân dân đói khổ, linh đinh.

- Thể hiện khát vọng hòa bình, thống nhất của nhân dân.

**3. Đoạn trích “Hồi trống Cổ Thành”**

**a.Vị trí đoạn trích:**

 Trích hồi 28:

*Chém Sái Dương, an hem hòa giải;*

*Hội Cổ Thành, vua tôi tụ nghĩa.*

**b.Bố cục:**

-Từ đầu ….đem theo quân mã chứ!” :Trương Phi đòi giết Quan Công vì cho là anh đã phản bội.

- Còn lại: Mâu thuẫn được giải quyết khi Sái Dương bị Quan Công chém.

**c. Tóm tắt tình cảnh của 3 anh em Lưu, Quan, Trương trước thời điểm của đoạn trích:**

- Trước đó, 3 anh em Lưu - Quan - Trương náu mình dưới trướng của Tào Tháo, hiểu bản chất gian hùng của Tháo, họ bỏ đi.

- Bị đuổi đánh, mỗi người mỗi ngả.

- Quan Công, bảo vệ hai chị dâu, tạm hàng Tào với điều kiện, hàng Hán chứ không hàng Tào, khi nào nghe tin anh thì sẽ đi ngay.

- Được Tháo ban thưởng hậu nhưng nghe tin Lưu Bị đang ở bên Viên Thiệu, Quan Công trả ấn tín, vàng bạc đi ngay

- Bị tướng Tào ngăn cản, chém 6 tướng, vượt 5 cửa quan. Đến gặp Trương Phi.

**d. Tóm tắt đoạn trích trong SGK:**

Quan Công đưa hai chị dâu sang Nhữ Nam tìm Lưu Bị. khi đến Cổ Thành nghe dân chúng kể Trương Phi đã cướp được thành. Quan Công mừng rõ cho Tôn Càn vào báo tin. Trương Phi nghe tin Quan Công đến không nói lời nào mà hùng hổ đem quân ra ngoài thành đón đánh Quan Công vì cho rằng Quan Công đã phản bội lời thề kết nghĩa vườn đào năm xưa mà theo Tào Tháo. Trương Phi dùng xà mâu hai lần xông vào đâm Quan Công. Quan Công chỉ né tránh và hết lòng giải thích mà Trương Phi vẫn không nghe. Giữa lúc tình hình đang căng thẳng thì tướng của Tào Tháo là Sái Dương kéo đến đã càng làm tăng mối nghi ngờ của Trương Phi là đem quân đến bắt mình. Quan Công giải thích là không phải thế nên Trương Phi ra điều kiện là sau ba hồi trống phải giết được Sái Dương. Quan Công nhận lời và chỉ sau một hồi trống, đầu Sái Dương đã nằm dưới đất. Bấy giờ, Phi mới tin lời anh là thực, mời hai chị dâu vào thành, rồi cúi đầu thụp lạy xin lỗi Quan Công.

**II. Đọc – hiểu văn bản**

**1. Nhân vật Trương Phi:**

**a) Trước khi gặp Quan Công:**

Khi Tôn Càn vào thành báo tin Quan Công đến, Trương Phi nghe tin:

- Chẳng nói chẳng rằng

- Lập tức mặc áo giáp, vác mâu lên ngựa

- Dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc

🡪Sự im lặng khó hiểu, dáng vẻ và khí thế hừng hực như đang chuẩn bị chiến đấu với kẻ thù.

**b) Khi gặp Quan Công:**

- Cử chỉ, điệu bộ: “mắt tròn xoe, râu hùm vểnh ngược, hò hét như sấm”🡪 Trái ngược tâm lý mừng rỡ thường tình của con người khi được gặp lại người thân.

- Hành động: múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công 🡪 Hành động nhanh, dứt khoát, đầy bất ngờ.

- Xưng hô: tao – mày; tao – thằng ( bội nghĩa, phụ nghĩa )🡪Không phải cách xưng hô của một người em, có phần lỗ mãng, xấc xược; thể hiện sự căm giận cao độ.

- Lập luận của Trương Phi:

+“ Mày đã bội nghĩa”, “bỏ anh, hàng Tào”bất nghĩa.

+“Trung thần thà chết không chịu nhục. Có lẽ đâu đại trượng phu lại thờ hai chủ”bất trung.

- “Nó lại đây tất là để bắt ta đó”  bất nhân.

🡪 Lập luận logic, khôn ngoan. Trong mắt của Trương Phi lúc này, Quan Công chính là kẻ thù, là kẻ đáng chết vì đã bội nghĩa, quên lời thề kết nghĩa vườn đào.

**c) Khi Sái Dương đến:**

Đây hoàn toàn là sự sắp xếp có dụng ý của La Quán Trung, góp phần đẩy mâu thuẫn giữa Quan Công và Trương Phi lên đỉnh điểm:

- Khi Sái Dương đến càng củng cố lập luận và thái độ nghi ngờ của Trương Phi, Trương Phi cho rằng Quan Công đem quân đến bắt mình.

- Hành động: múa bát xà mâu hăm hở xông lại đâm Quan Công

- Yêu cầu: “ ta đánh ba hồi trống, mày phải chém được tên tướng ấy”

**d) Khi nhận ra lỗi lầm:**

Sau khi chém đầu Sái Dương, sự thật được phơi bày, Trương Phi hiểu chuyện:

- Rỏ nước mắt khóc

-Thụp lạy Vân Trường

🡪 Trương Phi là người giàu tình cảm, biết chịu nghe điều phải.

\*Nhận xét chung về nhân vật Trương Phi:

- Trương Phi là con người bộc trực, nóng nảy, thẳng như làn tên bắn, sáng như tấm gương soi, không chấp nhận sự quanh co lắc léo, đen trắng rõ ràng.

- Dũng cảm cương trực, nóng nảy đến thô lỗ mà lại thận trọng, khôn ngoan, hết lòng phục thiện.

**2) Nhân vật Quan Công:**

**a) Khi gặp lại Trương Phi:**

- Nghe tin Trương Phi đang ở Cổ Thành, Quan Công mừng rỡ, sai Tôn Càn vào báo tin.

- Gặp Trương Phi, Quan Công: “mừng rỡ vô cùng”, “giao long đao”, “tế ngựa lại đón”

🡪Tâm trạng vui sướng, hạnh phúc vì được gặp người thân.

**b) Khi bị Trương Phi hiểu lầm:**

Quan Công rơi vào cảnh “ tình ngay lý gian”, khó giải thích rõ ràng: Quan Công thật sự trung nghĩa nhưng lại bị người em của mình kết tội và không cho cơ hội giải thích.

- Gọi Trương Phi là “hiền đệ”, “em”

- Lời lẽ mềm mỏng “em không biết, ta cũng không nói”

- Nhờ hai chị dâu giải thích hộ

🡪 Quan Công dù bị Trương Phi tấn công và dồn ép nhưng vẫn điềm tĩnh và nhún nhường trong ứng xử với Trương Phi, giữ đúng vị thế và sự độ lượng của một người anh.

**c) Khi Sái Dương đến:**

- Tác động của việc Sái Dương xuất hiện: đẩy Quan Công vào thế khó dồn khó, hết lời biện minh nhưng đồng thời cũng mở ra lối thoát cho Quan Công: dùng hành động mở đường cho lời lẽ minh oan.

- Chấp nhận lời thách thức để chứng minh lòng thực của mình.

- Chém đầu Sái Dương khi Trương Phi chưa đánh dứt một hồi trống.

🡪 Quan Công là người dũng cảm, bản lĩnh, khí phách, oai phong.

\*Nhận xét chung về nhân vật Quan Công:

- Quan Công có tài năng, khí phách, quan trọng nhất là luôn giữ nghĩa tình huynh đệ và nghĩa của bậc tôi trung.

- Là một con người có tính cách điềm đạm, bình tĩnh, thông minh trong mọi tình huống, biết tận cụng thời cơ để biến từ thế bị động sang chủ động.

**3.Ý nghĩa của hồi trống Cổ Thành**

Quan Công chẳng nói một lời, múa long đao xô lại, Trương Phi thẳng cánh đánh trống. Chưa dứt một hồi, đầu Sái Dương đã lăn dưới đất. Quân Tào chạy tan tác.

Hồi trống trong đoạn trích mang nhiều ý nghĩa.

- Hồi trống thách thức: Trương Phi nghi ngờ Quan Công phản bội, lệnh trong ba hồi trống phải chém đầu Sái Dương. Đây là hồi trống để thử thách lòng trung thành của Quan Công, thử thách tài năng của Quan Công. ngợi ca tính cương trực, dứt khoát của Trương Phi.

- Hồi trống minh oan: Quan Công đã không ngần ngại chấp nhận lời thách thức của Trương Phi để khẳng định lòng trung thành của mình. Bản thân sự dũng cảm đó đã thể hiện được tấm lòng Quan Công. Hơn thế nữa, ngay khi chưa dứt một hồi trống, đầu Sái Dương đã rơi xuống đất ngợi ca khí phách, tài năng của Quan Công.

- Hồi trống đoàn tụ: Kết thúc ba hồi trống, Quan Công giết tướng giặc, mọi nghi ngờ được hóa giải, và đó là lúc mà các anh hùng đoàn tụ. Hồi trống còn có ý nghĩa như là sự ngợi ca tình nghĩa huynh đệ, ngợi ca tấm lòng trung nghĩa của các anh hùng. Tiếng trống lúc này không còn thúc giục, căng thẳng, vội vã mà tiếng trống như reo vui chúc mừng cuộc hội ngộ của ba anh em.

🡪Hồi trống thể hiện không khí hào hùng của chiến trận, là hồi trống thúc giục tinh thần chiến đấu, ca ngợi tài đức của các anh hùng. Đó là hồi trống thể hiện niềm vui, khẳng định niềm tin và ngợi ca chiến thắng.

**III.Tổng kết:**

**1. Nội dung:**

- Ca ngợi tình nghĩa vườn đào giữa ba anh em kết nghĩa – tình huynh đệ và lí tưởng chung cao đẹp.

- Hồi trống Cổ Thành hội tụ anh em, ngợi ca nghĩa tiết thuỷ chung.

**2. Nghệ thuật**

- Nghệ thuật kể chuyện li kì, hấp dẫn với tình huống mâu thuẫn giàu kịch tính.

 - Khắc hoạ đậm nét tính cách nhân vật qua ngoại hình, lời nói, hành động.

 - Ngôn ngữ ngắn gọn, súc tích.

**Tiết 3: ĐỌC THÊM *TÀO THÁO UỐNG RƯỢU LUẬN ANH HÙNG***

Yêu cầu: HS tự đọc thêm trong sgk

**I. Tìm hiểu chung :**

**1. Tác giả :** ( xem bài học trước )

**2. Tác phẩm :**

Đoạn này được trích từ hồi 21, trước đoạn “Hồi trống Cổ Thành”. Khí đó, ba anh em Lưu, Quan, Trương đang náu trên đất Tào, nhẫn nhịn chờ thời để ra đi mưu đồ nghiệp lớn.

**II. Đọc – hiểu văn bản :**

**1. Nội dung :**

**a. Nhân vật Tào Tháo :**

- Tào Tháo cho anh em Lưu Bị ở nhờ, đối đãi như khách, nhằm dò xét, dụ hàng, thu phục về mình.

- Tào Tháo chủ động mời rượu để bàn về anh hùng trong thiên hạ, nhằm thăm dò thái độ của Lưu Bị.

🡪Tào Tháo có trí tuệ sắc sảo, tầm nhìn xa trong rộng nhưng rất tự phụ, kiêu ngạo nham hiểm, không coi ai đáng là anh hùng ( mượn hình ảnh rồng để nói về anh hùng trong thiên hạ ).

**b. Nhân vật Lưu Bị :**

- Lưu Bị phải ở nhờ Tào Tháo : nhẫn nhịn, náu mình, chờ thời, không để Tào Tháo nghi ngờ vì chưa có đất lập nghiệp.

 - Hoàn toàn bất ngờ khi Tào Tháo cho người đến mời : lo lắng, sợ hãi, cố che dấu ý nghĩ, tình cảm thật của mình trước Tào Tháo.

🡪 Lưu Bị rất khiêm nhường và tỏ ra khôn ngoan khi Tào Tháo hỏi về anh hùng trong thiên hạ : xử lí tình huống rất thông minh Lưu Bị đã thắng trong cuộc đấu trí với Tào Tháo.

 **2. Nghệ thuật :**

- Khắc họa nhân vật qua lời nói, cử chỉ, dáng điệu, chi tiết giàu kịch tính, tăng sức hấp dẫn của lời kể.

- Sử dụng hợp lí hình ảnh thiên nhiên để làm rõ tính cách nhân vật.

**3. Ý nghĩa văn bản :**

Ca ngợi Lưu Bị - một con người khiêm nhường, thận trọng, kín đáo, khôn ngoan.

**Tiết 4: VIẾT MỞ BÀI TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**(HS ĐỌC THAM KHẢO)**

**1/10 CÁCH MỞ BÀI TRONG VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Cách 10: Nêu phản đề.** Nêu phản đề có nghĩa là tạo tình huống đối lập, tương phản, ngược với vấn đề trong đề bài. So với cách giới thiệu trực tiếp thì cách mở bài này thường gây ấn tượng ngay với người đọc. Đồng thời tạo cho người đọc cảm giác thích thú, lôi cuốn khiến họ nhập tâm đọc ngay phần thân bài với toàn bộ chú tâm. Lợi thế dễ thấy của cách mở này là người viết nhanh chóng gây được thiện cảm cho người đọc. Đây là một điểm cộng cho người viết.

**Cách 9: So sánh**. So sánh là cách đối chiếu hai hoặc nhiều đối tượng với nhau ở phương diện giống nhau, khác nhau hoặc cả hai. Tác dụng của so sánh là giúp người đọc dễ thấy rõ bản chất của vấn đề đang nói trong tương quan với đối tượng khác. Mở bài theo cách so sánh không khó, vì vấn đề của nghị luận văn học trong trường THPT thường là trung tâm của đời sống văn học - tác phẩm.

Một vấn đề văn học thường có nhiều tác giả, ở nhiều đất nước, nhiều thời đại khác nhau quan tâm, phản ánh trong những bó hoa ngôn từ(). Cách mở bài so sánh gây thích thú cho người đọc vì nó chứng tỏ người viết có kiến thức văn học phong phú. Có nhiều cách làm phần mở bài theo dạng so sánh. Tác phẩm thì có tác giả, đề tài, chủ đề, nội dung, cảm hứng, thể loại, giai đoạn, giá trị, nhân vật… nên người viết có thể đối chiếu điểm giống nhau, khác nhau hoặc vừa giống vừa khác của một trong các vấn đề đó.

So sánh hai hoặc hơn hai đối tượng. Cách so sánh nhiều đối tượng đòi hỏi thêm kĩ năng xâu chuỗi, tổng hợp kiến thức của người viết. Người viết có đất để “khoe tài” với kiểu mở bài này. Đó là ưu điểm, nhưng nếu không khéo có thể làm lu mờ vấn đề đang bàn vì đối tượng so sánh nổi bật hơn.

Ví dụ, đề bài “Vẻ đẹp người phụ nữ qua hai bài thơ *Tự tình II* - Hồ Xuân Hương và *Thương vợ* - Trần Tế Xương?” (Văn học 11).

Mở bài: Cùng thời, cùng rung cảm trước thân phận người phụ nữ đương thời đại, nếu Nguyễn Du thổn thức bên thân phận người phụ nữ tài năng nhưng bạc mệnh, Hồ Xuân Hương quan tâm đến giá trị sống, khát khao hạnh phúc, bản lĩnh sống, thì Trần Tế Xương chủ yếu viết về người vợ trong cuộc sống đời thường. Qua các bài thơ *Tự tình* Hồ Xuân Hương và

*Thương vợ* của Trần Tế Xương, ta thấy rõ vẻ đẹp của người phụ nữ bấy giờ.

**Cách 8: Đi từ đề tài**. Bất kì tác phẩm văn học nào cũng thuộc một đề tài nào đó. Hiểu điều này, cùng với kiến thức lí luận văn học “Đề tài là phạm vi hiện thực được phản ánh trong tác phẩm”, người viết nghị luận văn học sẽ dễ dàng giới thiệu vấn đề một cách rành mạch. Các nhà văn viết về mùa thu thì đề tài là mùa thu; viết về tình bạn, tình yêu, tình cảm gia đình thì đó cũng là đề tài.

Ví dụ, đề bài “Cảm nhận của em về tình yêu của Romeo và Juliet qua đoạn trích *Tình yêu và thù hận* của văn hào W. Shakespeare”?

Mở bài: Tình yêu là đề tài quen thuộc của thi ca. Đến với đề tài quen thuộc mà thể hiện thành công, đó là dấu hiệu của một tài năng. Với “Romeo và Juliet”, W. Shakespeare đã để lại trong lòng độc giả xưa nay, mai này một cái nhìn khác về tình yêu: nó có thể đến từ tận cùng của giới hạn nhưng tình yêu đích thực chẳng có ranh giới nào. Bản bi ca của đôi tình nhân trẻ cho ta hiểu giới hạn của tình yêu là yêu không giới hạn.

**Cách 7: Đi từ chủ đề.** Cũng như đề tài, bất kì tác phẩm văn học nào cũng có một hoặc hơn một chủ đề nào đó. Nếu đề tài là hiện thực cuộc sống được phản ánh trong tác phẩm thì viết về đề tài đó nhà văn muốn gửi gắm thông điệp gì, viết để làm gì chính là chủ đề của tác phẩm văn học. Hiểu điều này, học sinh có thể làm mở đầu bài văn dễ như hát bài tủ.

**Cách 6: Đi từ tác giả.** Làm sao để cách mở bài trực tiếp từ người sáng tạo tác phẩm vẫn súc tích, học sinh chỉ cần ghi nhớ điểm đặc biệt của nhà văn, nhà thơ. Nếu tác giả có phong cách thì đi từ phong cách của tác giả.

Ví dụ, đề bài “Cảm nhận của em về bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử?”, học sinh có thể viết mở bài như sau: Trong phong trào Thơ Mới, nhắc đến hồn thơ có vẻ kì dị, bí ẩn, đau thương với cảnh thơ kết hợp chất hiện thực xen mộng ảo kì tài không ai không biết đó là Hàn Mặc Tử. Ngoài hàng chục, hàng chục chục bài thơ làm đẹp cho thiên nhiên đất trời bởi trăng vàng trăng ngọc, Hàn thi sĩ còn có một “hòn trăng” rất trăng không mang tên trăng mà mang tên *Đây thôn Vĩ Dạ.*Đây là một thi phẩm quen mà lạ. (Câu cuối “Đây là một thi phẩm quen mà lạ” có ý nghĩa như một câu chuyển ý. Muốn biết bài thơ quen mà lạ thế nào, người đọc hãy đọc phần thân bài). Đây là cách chuyển ý rất có duyên.

**Cách 5: Đi từ hoàn cảnh sáng tác**. Hầu hết các tác phẩm văn chương đều có một “duyên cớ” khiến tác giả không thể không viết. Đi từ hoàn cảnh sáng tác, học sinh chỉ cần khéo léo lồng tên tác giả, tác phẩm vào và không quên vấn đề nghị luận là trọn vẹn.

**Cách 4: Đi từ giai đoạn**. Mỗi thời kì lịch sử, giai đoạn lịch sử lại có những bối cảnh xã hội khác nhau ảnh hưởng ít nhiều trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Đi từ giai đoạn, thời kì văn học sẽ gắn hiện thực đời sống với nhà văn - tác phẩm - bạn đọc. Cách mở bài này dành cho những học sinh kiểu “triết học gia” ham tìm tòi, ưa lí luận nhờ đó dễ tạo điểm nhấn cho bài văn.

**Cách 3: Đi từ nhân vật hoặc hình tượng.** Có nhiều cách để đi từ nhân vật, hình tượng hoặc một câu văn, câu thơ “đinh” của tác phẩm. Nhân vật đối với tác phẩm tự sự, hình tượng/ hình ảnh trong tác phẩm trữ tình có ý nghĩa như những chiếc đinh để tác giả treo lên đó những “lời gửi”.

**Cách 2: Đi từ thể loại**. Không có tác phẩm nào không thuộc một thể loại chính nào đó. Mỗi thể loại văn học lại có những đặc trưng riêng. Người viết dựa vào đặc trưng thể loại để giải mã nghệ thuật trong tác phẩm.

Ví dụ, đề bài “Ánh sáng trong truyện *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam?” (Văn học 11). Mở bài có thể là: Truyện ngắn hấp dẫn người đọc không chỉ ở cốt truyện giàu kịch tính, ở nhân vật điển hình cụ thể về hoàn cảnh sống và cụ thể về tính cách, sinh động về diễn biến tâm hồn. Thế nhưng, có nhà văn lại viết truyện ngắn theo một cách thức riêng, chỉ miêu tả những xao động tuổi mới lớn lại có sức nặng tựa ngàn cân.

Đó là lối đi riêng của Thạch Lam trong tập *Gió đầu mùa* nói chung, truyện *Hai đứa trẻ* nói riêng. Truyện mong manh những ánh sáng lập lòe của hoàng hôn, của đèn dầu đêm khuya, của đom đóm, của sao trời… nhưng ngời sáng lòng nhân hậu, giàu ước mơ ở hai đứa trẻ. Đối lập với bóng tối, ánh sáng là hình tượng giàu tính biểu tượng và đầy ám ảnh tưởng như vô tình nhưng Thạch Lam đã cố công xây dựng.

**Cách 1: Tạo một bất ngờ**

Ví dụ bài Nghị luận xã hội, đề bài: “Cảm nghĩ của em về một người em thương yêu nhất?” (Văn học 10), có học sinh giới thiệu về bà ngoại “siêu độc”: Mẹ - tiếng gọi thiêng liêng ấy với con luôn là nắng ấm trong những đêm trường đông giá, mẹ là nơi bình yên cho đời con trong bão tố, mẹ là bóng mát cho con trong dặm trường khô khát, mẹ cho con những yêu thương vô bờ bến như nước ngoài đại dương, như năng lượng của mặt trời, nhưng người em muốn dành cả bài văn này để nói về lại là bà ngoại của em, mẹ em tuyệt vời thế kia, ngoại còn sinh ra cả mẹ cơ mà, làm sao em không yêu cho được.

Mở bài này của học sinh tuy còn lỗi ngữ pháp nhưng giáo viên dễ dàng bỏ qua lỗi nhỏ ấy vì ý tưởng bất ngờ “rất học trò” của em đã là một món quà cho người chấm bài, nên có thể em vẫn dành được trọn điểm phần mở bài. (Để mở bài này trọn vẹn, học sinh chỉ cần bỏ dấu chấm câu đúng chỗ và viết hoa sau dấu chấm).

**2/ HAI CÁCH MỞ BÀI THÔNG THƯỜNG**

Phần mở bài trong văn nghị luận là phần đặt vấn đề, thông thường có hai cách:

**– Trực tiếp:** Là cách đi thẳng vào vấn đề cần nghị luận. Nghĩa là sau khi đã tìm hiểu đề và tìm được vấn đề trọng tâm của bài nghị luận, ta nêu thẳng vấn đề đó ra bằng một luận điểm rõ ràng. Tuy nhiên khi mở bài trực tiếp, ta cũng phải trình bày cho đủ ý, không nói thiếu nhưng cũng không nên nói hết nội dung, phải đáp ứng đủ các yêu cầu của một phần mở bài đúng mực trong nhà trường. Đặt vấn đề theo cách trực tiếp dễ làm, nhanh gọn, tự nhiên, dễ tiếp nhận, tuy nhiên thường khô khan, cứng nhắc, thiếu hấp dẫn cho bài viết.
Nếu đề bài yêu cầu nghị luận về tác phẩm thì mở bài phải giới thiệu được tên tác giả, tên tác phẩm, trích dẫn khổ thơ, hoặc giới thiệu vấn đề nghị luận.
**– Gián tiếp:** Với cách này người viết phải dẫn dắt vào đề bằng cách nêu lên những ý có liên quan đến luận đề (vấn đề cần nghị luận) để gây sự chú ý cho người đọc sau đó mới bắt sang luận đề.Mở bài theo cách này tạo được sự uyển chuyển, linh hoạt cho bài viết, hấp dẫn người đọc, tuy nhiên kiểu mở bài này dễ dẫn đến sự lan man, lạc đề cho bài viết.
Những bạn học yếu nên mở bài theo cách thứ nhất